

Bản án số: **195/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/5/2021.

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp.

2. Bà Võ Thị Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 669/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-DS ngày 22/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh N.N.T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: A.B, Phường T, thành phố M.T, tỉnh Tiền Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Chị L.T.M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: T.H.D, Phường G, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Anh N.N.T trình bày:

Năm 2017, Anh N.N.T và Chị L.T.M, sinh năm 1970 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy Ban Nhân Dân Phường T, Thành phố M.T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 30/2017 ngày cấp 18/3/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 05 tháng, đến tháng 8/2017 thì chị M bỏ về Sài Gòn bán nhà tại địa chỉ T.H.D, Phường G, Quận Y, Thành Phố Hồ Chí Minh và đi đâu không rõ cho đến nay. Anh N.N.T có về quê của chị M ở Bình Định nhiều lần nhưng không gặp, người thân của chị M cũng nói là không biết chị M ở đâu, không liên lạc được, không về quê sinh sống.

Đến tháng 6/2020, Anh N.N.T có nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận Y tuyên bố một người mất tích, đến tháng 11/2020, Tòa án nhân dân Quận Y ra quyết định tuyên bố một người mất tích đối với bà L.T.M, sinh năm 1970; nơi cư trú cuối cùng là: T.H.D, Phường G, Quận Y, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Anh N.N.T nhận thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không đạt được, tình cảm dành cho chị M không còn nữa nên đề nghị Tòa án công nhận những yêu cầu sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N.N.T yêu cầu được ly hôn với Chị L.T.M.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn: Chị L.T.M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn Chị L.T.M vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như trình tự thủ tục tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, xét thấy các bên đã mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc sống ly thân, các bên không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục chung sống nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, đương sự tự khai không có nên không giải quyết. Về tài sản chung, đương sự tự khai không có nên không giải quyết. Về nợ chung, đương sự xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận Y nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Ngày 17/11/2020 Tòa án nhân dân Quận Y ban hành Quyết định số 158/2020/QĐST-DS đã tuyên bố Chị L.T.M mất tích, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo trình tự luật định tại nơi cư trú sau cùng của Chị L.T.M trong vụ án ly hôn để triệu tập bị đơn đến Tòa án vào các ngày 25/01/2021, 03/3/2021, 16/4/2021 và 10/5/2021 nhưng bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề ngày

25/01/2021 xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N.N.T và Chị L.T.M tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 30/2017 của Ủy Ban Nhân Dân Phường T, Thành phố M.T, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 18/3/2017 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 05 tháng, đến tháng 8/2017 thì chị M bỏ về Sài Gòn bán nhà tại địa chỉ T.H.D, Phường G, Quận Y, Thành Phố Hồ Chí Minh và đi đâu không rõ cho đến nay. Anh N.N.T có về quê của chị M ở Bình Định nhiều lần nhưng không gặp, người thân của chị M cũng nói là không biết chị M ở đâu, không liên lạc được, không về quê sinh sống.

Nay Anh N.N.T xác định không còn tình cảm với Chị L.T.M, nên anh yêu cầu được ly hôn với Chị L.T.M.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Đối với quan hệ vợ chồng giữa chị và anh thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ giữa năm 2017 cho đến nay. Căn cứ Quyết định số 158/2020/QĐST-DS ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân Quận Y đã tuyên bố Chị L.T.M mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và đến ngày mở phiên tòa Chị L.T.M vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu được ly hôn của Anh N.N.T có cơ sở chấp nhận

- Về con chung: Anh N.N.T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh N.N.T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, thì Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Anh N.N.T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh N.N.T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh N.N.T được ly hôn với Chị L.T.M.

2. Về con chung: Anh N.N.T trình bày không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N.N.T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2017 của Ủy Ban Nhân Dân Phường T, Thành phố M.T, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 18/3/2017 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh N.N.T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0010885 ngày 22/12/2020 của Chi Cục Thi hành án Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh N.N.T đã đóng đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- UBND P.T, M.T, Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Sang

